TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2023/HS-ST
Ngày 26 - 5 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm và bà Tăng Thị Dương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà**:* Ông Nguyễn Thành Thụy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị H11 (tên gọi khác: Trần Thị Bích Thủy), sinh ngày 10 tháng 10 năm 1980 tại tỉnh Hà Nam.

Nơi cư trú: Thôn Đồng Tâm, xã La Sơn, huyện B Lục, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị P; có chồng Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 (đã ly hôn) và 04 con (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2022, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

2. Hoàng Thị Vân A, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1982 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ĐKHKTT: Tổ 11, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã Lưỡng Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn D và bà Nguyễn Thị L; có chồng Phùng Quốc D, sinh năm 1989 và 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tháng 02/2009, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt hành chính về hành vi xuất cảnh không có

hộ chiếu thị thực và giúp đỡ, tạo điều kiện cho người nước ngoài vào Việt Nam trái phép, phạt tiền 12.000.000 đồng.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị H11:

1. Ông Phạm Mạnh Hùng, Luật sư Văn phòng Luật sư Hồng Hà thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: Số nhà 21, Nguyễn Văn Linh, tổ 19, Phường Phan Thiết, Thành Phố Tuyên Quang, Tuyên Quang. *Có mặt;*

2. Ông Lê Trường Sơn - Luật sư Công ty Luật hợp danh Thủy Vỹ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai; địa chỉ: Số nhà 057, phố Sơn Đạo phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. *Có mặt.*

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Vân A: Luật sư Hà Minh Phương, Văn phòng Luật sư Minh Phúc, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: Tổ 9, phường Phan Thiết, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1988; nơi cư trú: Tổ dân phố Ghềnh Gà, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

2. Chị Nguyễn Thị B, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1988; nơi cư trú: Xóm 14, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Tuấn G, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 10, phường Xuân Tăng, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. *Có mặt.*

- Người làm chứng:

1. Anh Trần Thanh S, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 10, phường Tân Quang, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt;*

2. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 18, phường Tân Hà, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt;*

3. Chị Trần Thị L, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ dân phố Gềnh Gà, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt;*

4. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1960; nơi cư trú: Xóm 14, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt;*

5. Chị Đỗ Thị Bích T, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ 1, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt;*

6. Chị Trần Thị V, sinh năm 1976; nơi cư trú: Xóm 14, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt;*

7. Anh Trương Văn B, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn 1, xã Phượng Nghi, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2003, bị cáo Trần Thị H1 có quen biết với bị cáo Hoàng Thị Vân A; đầu năm 2004, bị cáo H1 và bị cáo V cùng nhau sang Trung Quốc làm gái bán dâm. Đến khoảng giữa tháng 5/2004, bị cáo V về Việt Nam, đến cuối tháng 5/2004, bị cáo H1 về Việt Nam rồi đến nhà bị cáo V chơi. Quá trình chơi ở nhà bị cáo V, bị cáo H1 và bị cáo V rủ nhau tìm người để đưa sang Trung Quốc làm gái bán dâm lấy tiền chia nhau nhưng không nói cho người đi biết là sang Trung Quốc mà nói đi làm bưng bê cơm phở ở Yên Bái, Lào Cai.

Trưa ngày 29/5/2004, bị cáo V và bị cáo H1 đến nhà cháu Nguyễn Thị B, sinh ngày 28/7/1988 (do bị cáo V biết cháu B từ trước). Thấy cháu B đang ở dưới bếp một mình, bị cáo V có nói với cháu B về việc đi bưng bê cơm, phở tại tỉnh Yên Bái, cháu B đồng ý và nói với bị cáo V có bạn cũng muốn đi. Rồi cháu B đưa bị cáo H1 và bị cáo V đến nhà cháu Nguyễn Thị H (sinh ngày 10/10/1988) là bạn của cháu B; thấy cháu H ở nhà một mình thì bị cáo V hỏi cháu H về việc có đi làm bán hàng cơm, giải khát ở tỉnh Yên Bái, Lào Cai thì cháu H đồng ý đi cùng cháu B, sau đó bị cáo H1, bị cáo V cùng cháu B và cháu H đến nhà bị cáo V ăn cơm trưa. Sau khi ăn cơm xong, bị cáo H1 bảo bị cáo V gọi xe ôm để đưa H1, cháu H và cháu B đi, bị cáo V ra khu vực cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang thuê anh Trần Thanh S (lái xe ôm) đến nhà bị cáo V đưa mọi người đi. Sơn chở H1 và cháu B, Cương chở cháu H đến ga đường sắt Yên Bái, tỉnh Yên Bái thì bị cáo H1 trả tiền xe ôm cho Sơn và Cương mỗi người 150.000 đồng, rồi bị cáo H1 thuê 01 người đàn ông (không xác định tên, tuổi và địa chỉ) điều khiển xe mô tô chở bị cáo H1, B và H đến gần khu vực biên giới tỉnh Lào Cai và Trung Quốc, thuê đò vượt biên sang Trung Quốc. Sau đó được 02 người đàn ông Trung Quốc (tên Tùng và Phúc là bạn của bị cáo H1) đến đón và đưa cả 03 người đến ở tại nhà trọ của 01 người Trung Quốc ở khu vực Hà Khẩu, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Quá trình ở Trung Quốc, bị cáo H1 đã bố trí, sắp xếp để cháu B và cháu H bán dâm cho người Trung Quốc.

Khoảng cuối tháng 8/2004, cháu H bỏ trốn về Việt Nam, ngày 31/8/2004 cháu H đã tố giác hành vi của bị cáo H1 và bị cáo V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang. Đối với cháu B cuối tháng 01/2005 bỏ trốn về Việt Nam, ngày 29/02/2005 cháu B đã tố giác hành vi của bị cáo H1 và bị cáo V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang. Khi bị xâm hại (ngày 29/5/2004) cháu Nguyễn Thị H có độ tuổi 15 tuổi, 07 tháng, 19 ngày, cháu Nguyễn Thị B có độ tuổi 15 tuổi 10 tháng 01 ngày.

Đối với bị cáo Trần Thị H1, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H1 trốn ở Trung Quốc, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã. Đến tháng 3/2019, bị cáo H1 về Việt Nam lẩn trốn và chung sống như vợ chồng với Trương Văn B ở thôn 1, xã Phượng Nghi, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa (có 02 con chung).

Ngày 15/7/2022, bị cáo H1 bị bắt theo quyết định truy nã tại xã Trung Đông, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Bản Cáo trạng số 07/CT-VKS-P2 ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Trần Thị H1, Hoàng Thị Vân A về tội Mua bán người dưới 16 tuổi theo khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu luận tội, giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo Trần Thị H1, Hoàng Thị Vân A và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị H1, Hoàng Thị Vân A phạm tội "Mua bán người dưới 16 tuổi".

Căn cứ điểm c, đ khoản 2 Điều 151; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thị H1 từ 09 năm tù đến 09 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (15/7/2022).

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Vân A từ 08 năm tù đến 08 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản riêng, không có công việc ổn định nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa, các bị hại không yêu cầu các bị cáo pH1 bồi thường thêm nên không xem xét.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định án phí hình sự sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị hại Nguyễn Thị B trình bày: Chiều ngày 29/5/2004 (khi chị mới 15 tuổi 10 tháng 01 ngày) chị đang ở bếp một mình thì thấy bị cáo H1 và bị cáo V đến gặp chị, bị cáo V rủ chị đi bán hàng cơm, giải khát ở tỉnh Lào Cai, chị nhất trí và đi cùng hai bị cáo; trên đường đi bị cáo V bảo chị đến nhà H rủ H đi cùng nên chị đã cùng hai bị cáo đến nhà H rủ H cùng đi. Sau đó tất cả về nhà bị cáo V ăn cơm, ăn xong bị cáo V gọi xe ôm chở chị và B cùng bị cáo H1 đến Yên Bái rồi chị H1 gọi tiếp hai người lái xe ôm chở cả 03 người lên Lào Cai, tiếp đó bị cáo H1 thuê thuyền sang Trung Quốc; sau một tháng thì bị cáo H1 bắt chị đi bán dâm, đến tháng 01/2005 chị xin chủ nhà chứa cho chị về Việt Nam thăm nhà và chị đã đến cơ quan điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang tố cáo về hành vi của bị cáo H1 và bị cáo V. Hiện gia đình bị cáo H1 đã bồi thường cho chị được 35.000.000 đồng; bị cáo V đã bồi thường cho chị được 10.000.000 đồng, chị không yêu cầu các bị cáo pH1 bồi thường thêm. Về hình phạt đối với các bị cáo chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 29/5/2004 (khi chị mới 15 tuổi 07 tháng 19 ngày) chị đang ở nhà bà ngoại chị thì thấy bạn chị là Nguyễn Thị B dẫn

bị cáo H1 và bị cáo V đến gặp chị, bị cáo V rủ chị đi bán hàng cơm, giải khát ở tỉnh Yên Bái, biết B cũng đi nên chị nhất trí, sau đó bị cáo H1 đã đưa chị và B sang Trung Quốc làm gái bán dâm, đến cuối tháng 8/2004 chị trốn được về Việt Nam và đã đến cơ quan điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang tố cáo về hành vi của bị cáo H1 và bị cáo V. Hiện gia đình bị cáo H1 đã bồi thường cho chị được 35.000.000 đồng; bị cáo V đã bồi thường cho chị được 10.000.000 đồng, chị không yêu cầu các bị cáo pH1 bồi thường thêm. Về hình phạt đối với các bị cáo chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Tuấn G trình bày : Trong giai đoạn điều tra, bị cáo Trần Thị H1 là chị ruột của anh có tác động gia đình bồi thường cho các bị hại, anh đã trực tiếp bồi thường cho các bị hại số tiền là 70.000.000 đồng (trong đó mỗi người 35.000.000 đồng), khoản tiền này anh không yêu cầu bị cáo pH1 có nghĩa vụ hoàn trả.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị H1, ông Lê Trường Sơn - Luật sư Công ty Luật hợp danh Thủy Vỹ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai trình bày luận cứ: Nhất trí tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như luận tội Kiểm sát viên đã đề nghị. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo Trần Thị H1 sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ; các bị hại Nguyễn Thị B và Nguyễn Thị H xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có ông nội và ông ngoại được tặng Bằng khen và tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Đề nghị xem xét các quy định có lợi nhất của cả hai Bộ luật Hình sự (năm 1999 và năm 2015) để xử cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị H1, ông Phạm Mạnh Hùng - Luật sư Văn phòng Luật sư Hồng Hà thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang trình bày luận cứ: Không nhất trí với việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Trần Thị H1 về tội "Mua bán người dưới 16 tuổi" theo quy định tại Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015 vì hành vi của bị cáo được thực hiện từ năm 2004, trước khi Bộ luật hình sự năm 2015 được ban hành. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử bị cáo Trần Thị H1 về tội *"Tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép"* với khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Vân A, Luật sư Hà Minh Phương, Văn phòng Luật sư Minh Phúc, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang trình bày luận cứ: Nhất trí tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như luận tội Kiểm sát viên đã đề nghị. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo V sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ; các bị hại đều xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đề nghị xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về nuôi dạy con cái.

Các bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của luật sư, không bổ sung thêm ý kiến.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình đã gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thị H1 và bị cáo Hoàng Thị Vân A tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng: Biên bản nhận dạng; lời khai của các bị hại và những người làm chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 29/5/2004, tại xóm 14, xã T, huyện Yên Sơn và xóm Gềnh Gà, xã Thắng Quân (nay là thị trấn Yên Sơn), huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Trần Thị H1 và bị cáo Hoàng Thị Vân A đã có hành vi tuyển mộ, chứa chấp bị hại Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/10/1988 và bị hại Nguyễn Thị B, sinh ngày 28/7/1988 đưa sang Trung Quốc làm gái bán dâm. Khi bị xâm hại bị hại Nguyễn Thị H có độ tuổi 15 tuổi 07 tháng 19 ngày; bị hại Nguyễn Thị B có độ tuổi 15 tuổi 10 tháng 01 ngày.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội năm 2004 và bị phát hiện năm 2005, tại thời điểm này Bộ luật Hình sự năm 1999 còn hiệu lực. Tuy nhiên, nếu áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 thì hành vi của Hoàng Thị Vân A quy định tại khoản 2 Điều 120 Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em và có 03 tình tiết định khung (Đối với nhiều trẻ em; Để đưa ra nước ngoài; Để sử dụng vào mục đích mại dâm); nếu áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 thì hành vi của Hoàng Thị Vân A được quy định tại khoản 2 Điều 151 chỉ có 02 tình tiết định khung (Đối với 02 người đến 05 người; Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

Mặt khác, khi so sánh Điều 120 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015 thấy: Bộ luật Hình sự năm 1999 tuy mức xử phạt đầu khung là 10 năm nhưng mức hình phạt cao nhất là chung thân; Bộ luật Hình sự

năm 2015 tuy mức xử phạt đầu khung là 12 năm nhưng mức hình phạt cao nhất là 20 năm. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, để đảm bảo quyền lợi cho người bị buộc tội, Hội đồng xét xử thấy cần xét xử các bị cáo Trần Thị H1, Hoàng Thị Vân A theo khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015 theo hướng có lợi cho các bị cáo đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp; hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm quyền tự do, thân thể của trẻ em, do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố các bị cáo về tội "Mua bán người dưới 16 tuổi" theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về luận cứ bào chữa của Luật sư:

Tại phiên tòa Luật sư Lê Trường Sơn bào chữa cho bị cáo Trần Thị H1 và Luật sư Hà Minh Phương bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Vân A đều nhất trí với tội danh, điều luật ; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đúng như luận tội Kiểm sát viên đã đề nghị nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với đề nghị của Luật sư Phạm Mạnh Hùng bào chữa cho bị cáo Trần Thị H1 đề nghị thay đổi tội danh đối với bị cáo Trần Thị H1 từ tội Mua bán người dưới 16 tuổi theo khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự 2015 sang tội *"Tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép"* theo quy định tại khoản 1 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999 với khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này không có căn cứ nên không chấp nhận.

[4] Đánh giá vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo: Hội đồng xét xử thấy, trong vụ án này các bị cáo phạm tội không có tổ chức mà là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên bị cáo Trần Thị H1 là người khởi xướng và là người trực tiếp đưa các bị hại sang Trung Quốc để bán dâm nên được xác định có vai trò cao hơn bị cáo Hoàng Thị Vân A.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại; hiện đang nuôi con nhỏ; các bị hại Nguyễn Thị B và Nguyễn Thị H xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; bị cáo Trần Thị H1 có ông nội và ông ngoại được tặng Bằng khen và tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét áp dụng cho bị cáo.

[6] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người phụ nữ và trẻ em. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên, xét thấy cần thiết pH1 áp dụng một mức hình phạt tù nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời để phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, hiện đều đang nuôi con nhỏ, mặt khác mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 2 của Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999 thấp hơn mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 151 Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng cả những quy định có lợi nhất đối với các bị cáo theo Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy do các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản riêng, không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ngày 15/12/2022, bị cáo Trần Thị H1 đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại 70.000.000 đồng (35.000.000 đồng/người) ; ngày 16/12/2022, bị cáo Hoàng Thị Vân A đã bồi thường cho các bị hại 20.000.000 đồng (10.000.000 đồng/người), tại phiên tòa các bị hại không yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ pH1 bồi thường thêm khoản tiền nào khác, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về khoản thu lợi bất chính của các bị cáo: Do vụ án xảy ra đã lâu, quá trình điều tra không làm rõ được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất, nhập cảnh của Trần Thị H1, Hoàng Thị Vân A, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị H do đã hết thời hiệu xử phạt hành chính nên không đề cập xử lý.

Đối với Trần Thanh S và Nguyễn Văn C là người đưa H1, cháu B và cháu H đến tỉnh Yên Bái do không biết Trần Thị H1 và Hoàng Thị Vân A thực hiện tội phạm. Hành vi của 01 người đàn ông đưa H1, cháu B và cháu H đến khu vực biên giới tỉnh Lào Cai và 02 người đàn ông Trung Quốc (tên Tùng và Phúc) đón cháu B và cháu H ở Trung Quốc do không xác định được địa chỉ không có căn cứ để xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo Trần Thị H1, Hoàng Thị Vân A pH1 chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm c, đ khoản 2 Điều 151; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị H1 và Hoàng Thị Vân A phạm tội Mua bán người dưới 16 tuổi.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H1 **09** (chín) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 15/7/2022).

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Vân A **08** (tám) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Thị H1, Hoàng Thị Vân A mỗi bị cáo pH1 chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (các bị cáo, các bị hại được kháng cáo toàn bộ nội dung bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình)./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh T.Quang (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Tuấn Vinh